

Quế Phong, ngày 10 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 - Công ty CP thủy điện Quế Phong

Kính thưa:

- Quý vị đại biểu;
- Quý vị cổ đông Công ty CP thủy điện Quế Phong;
- Thưa toàn thể Đại hội.

Hôm nay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; thay mặt Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023, dự kiến kế hoạch SXKD năm 2024 như sau:

I. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TĐ Bản Cốc	TĐ Sao Va	Khác	Tổng cộng
1	Sản lượng điện	kWh				
	Sản lượng KH 2023	kWh	79.000.000	10.666.000		89.666.000
	Sản lượng TH 2023	kWh	72.041.978	10.494.842		82.536.820
	Tỷ lệ	%	91,19%	98,40%		92,05%
2	Doanh thu bán điện	Tỷ đồng				
	Doanh thu KH 2023	Tỷ đồng	102,739	14,102		116,841
	Doanh thu TH 2023	Tỷ đồng	86,116	11,661		97,777
	Tỷ lệ	%	82,82%	82,69%		83,68%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng				
	Kế hoạch	Tỷ đồng				61,966
	Thực hiện	Tỷ đồng				80,170
	Tỷ lệ	%				129,38%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng				
	Kế hoạch	Tỷ đồng				58,867
	Thực hiện	Tỷ đồng				72,326
	Tỷ lệ	%				122,86%

II. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2023:

1. Về thực hiện chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023:

Trong năm 2023, tình hình Thế giới nói chung gặp rất nhiều bất ổn, điển hình là cuộc xung đột Nga – Ucraina cũng như các cuộc xung đột khác ở nhiều khu vực và tình trạng lạm phát diễn ra trên phạm vi toàn cầu. Đối với Việt Nam, mặc dù không chịu ảnh hưởng lớn

của các tác động bên ngoài song nhìn chung nền kinh tế còn gặp rất nhiều khó khăn và thách thức rất lớn.

Doanh thu các Nhà máy Bản Cốc và Sao Va đạt được cụ thể: sản lượng phát điện chỉ đạt 82.536.820 kWh bằng 92.05% so với kế hoạch đề ra; doanh thu bán điện đạt 97,777 tỷ đồng (không bao gồm thuế TN và phí dịch vụ môi trường rừng, doanh thu khác) đạt 83,68% so với kế hoạch đề ra; Tuy nhiên, các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều cao hơn so với kế hoạch đề ra lần lượt là 29,38% và 22,86%. Đây là kết quả khá tốt trong bối cảnh tình trạng thời tiết diễn biến bất thường, tình hình kinh tế không thuận lợi và lãi suất ngân hàng tăng cao, với sự nỗ lực phát huy tối đa nguồn lực hiện có của toàn thể CBCNV Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong.

2. Về công tác đầu tư:

- Trong năm 2023, Công ty cũng đã tiến hành sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng định kỳ các tổ máy Nhà máy thủy điện Bản Cốc, Sao Va nâng cao hiệu quả vận hành phát điện. Ngoài ra còn rà soát khắc phục một số hư hỏng, thiếu sót cho các Nhà máy để đảm bảo vận hành an toàn hiệu quả.

3. Về công tác tài chính:

Năm 2024 tình hình tài chính của Công ty đạt được những kết quả khả quan, đảm bảo cân đối được dòng tiền trả nợ cho các tổ chức tín dụng, không để phát sinh nợ quá hạn.

Tình hình dư nợ tại các TCTD: ĐVT: 1.000 đồng

23. Vay và nợ thuê tài chính						
a) Vay ngắn hạn	12/31/2023		Trong năm		01/01/2023	
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An (i)	9,866,737,808	9,866,737,808	19,862,373,218	19,408,452,473	9,412,817,063	9,412,817,063
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính NHTM Ngoại thương (iii)	657,419,580	657,419,580	657,419,580			
b) Vay dài hạn	12/31/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An (i)	487,500,000	487,500,000	0	1,950,000,000	2,437,500,000	2,437,500,000

III. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023:

1. Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023: Như đã trình bày ở trên.

2. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

3. Về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2023:

Dự toán tổng mức lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong, tối đa là 840 triệu đồng. Thực tế Công ty đã thực hiện chi trả 840 triệu đồng.

IV. Báo cáo tài chính năm 2023:

1. Bảng cân đối kế toán:

					Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN		Mã số	TM	12/31/2023	1/1/2023	
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		379,347,187,145	320,081,873,821	
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3,964,293,857	3,232,148,655	
1.	Tiền	111		3,964,293,857	3,232,148,655	
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-	
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		375,376,311,018	316,428,585,261	
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	12,006,560,280	14,133,653,007	
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	10,503,243,913	10,652,609,312	
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	352,215,302,321	290,170,738,085	
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	671,204,504	1,491,584,857	
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(20,000,000)	(20,000,000)	
IV.	Hàng tồn kho	140		-	411,632,179	
1.	Hàng tồn kho	141	5.6	-	411,632,179	
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		6,582,270	9,507,726	
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	6,582,270	9,507,726	
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		148,570,451,722	173,265,239,936	
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		75,133,667	1,483,785,813	
1.	Phải thu dài hạn khác	216	5.5	75,133,667	1,483,785,813	
II.	Tài sản cố định	220	5.8	138,780,082,963	159,468,504,435	
1.	Tài sản cố định hữu hình	221		135,852,797,248	159,468,504,435	
	- Nguyên giá	222		472,621,615,423	475,897,402,178	
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(336,768,818,175)	(316,428,897,743)	
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		2,927,285,715	-	
	- Nguyên giá	225		3,415,166,667	-	
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(487,880,952)	-	
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-	
	- Nguyên giá	228		3,724,769,595	3,724,769,595	
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,724,769,595)	(3,724,769,595)	
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-	
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		231,481,482	231,481,482	
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		231,481,482	231,481,482	
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-	
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		9,483,753,610	12,081,468,206	
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	9,483,753,610	12,081,468,206	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		527,917,638,867	493,347,113,757	

					Đơn vị tính: VND	
NGUỒN VỐN		Mã số	TM	12/31/2023	1/1/2023	
C	NỢ PHẢI TRẢ	300		86,151,065,430	121,685,131,371	
-						
I.	Nợ ngắn hạn	310		84,781,441,292	120,781,603,448	
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	39,185,429,597	40,694,953,026	
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	10,470,609,281	11,166,272,374	
3.	Phải trả người lao động	314		2,070,109,441	1,842,348,339	
4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	7,509,829,021	7,509,829,021	
5.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	1,883,691,010	37,777,133,450	
6.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	11,011,657,388	11,362,817,063	
7.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		12,650,115,554	10,428,250,175	
II.	Nợ dài hạn	330		1,369,624,138	903,527,923	
1.	Chi phí phải trả dài hạn	333	5.10	-	465,905,708	
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	1,369,624,138	437,622,215	
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		441,766,573,437	371,661,982,386	
-						
I.	Vốn chủ sở hữu	410	5.14	441,766,573,437	371,661,982,386	
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		185,831,000,000	185,831,000,000	
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185,831,000,000	185,831,000,000	
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		20,924,187,646	20,924,187,646	
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		234,499,855,791	164,395,264,740	
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		162,173,399,361	90,367,630,898	
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		72,326,456,430	74,027,633,842	
4.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		511,530,000	511,530,000	
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		527,917,638,867	493,347,113,757	

V. Phương án phân phối lợi nhuận:

HDQT công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân chia cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ là 20%/VĐL bằng tiền mặt (kèm theo tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế) và ủy quyền cho HDQT lựa chọn thời điểm thích hợp trong năm 2024-2025 để chi trả cho cổ đông.

VI. Kế hoạch SXKD năm 2024:

1. Thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD năm 2024:

1.1. Thuận lợi:

- Đội ngũ CBCNV đoàn kết nội bộ tốt, yêu lao động, có nhu cầu công việc cao, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng;
- Được sự giúp đỡ của các cổ đông chính như Tổng công ty Điện lực Trung Sơn và các Cổ đông lớn khác;
- Được sự giúp đỡ, quan tâm của chính quyền và nhân dân địa phương;
- Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước về chính sách đầu tư nguồn điện;
- Nhà máy thủy điện Bản Cốc, Sao Va đã đi vào vận hành kinh doanh 15 năm nên cán bộ công nhân viên Công ty đã có nhiều kinh nghiệm trong việc tác nghiệp với các cơ quan hữu

quan nhất là với Tổng công ty điện lực Miền Bắc, Trung tâm điều độ hệ thống điện trong sản xuất và thanh toán tiền điện.

- Một số yếu tố khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư;...

1.2. Khó khăn:

- Tình trạng lạm phát trên toàn cầu, xung đột địa chính trị giữa các nước lớn đang diễn ra rất phức tạp, ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Toàn bộ dự án nằm trong khu vực miền Tây Nghệ An, khí hậu có nét đặc thù và khắc nghiệt; giao thông đi lại khó khăn và thông tin liên lạc còn nhiều hạn chế. Trụ sở Công ty đóng xa trung tâm, có những diễn biến phức tạp về trật tự, trị an. Cơ sở vật chất còn khó khăn thiếu thốn: Điều kiện đi lại khó khăn; các dịch vụ y tế, trường học nằm cách quá xa Công ty; thông tin liên lạc kém, không ổn định dẫn đến CBCNV không an tâm phát triển;

- Điện lượng vào mùa khô đạt thấp hơn kỳ vọng của dự án (Do hiện tượng khí hậu thay đổi thất thường – chế độ Thủy văn có sự suy giảm, lượng mưa giảm thấp so với số liệu thiết kế, công tác khảo sát đánh giá ban đầu chưa sát với thực tế, qua 15 năm vận hành từ năm 2010 đến nay chế độ thủy văn không có sự thay đổi khác);

2. Kế hoạch SXKD năm 2024:

Trên cơ sở xác định các điều kiện nội tại của Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong cũng như xác định những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến việc xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2024; Kế hoạch SXKD năm 2024 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TĐ Bản Cốc	TĐ Sao Va	Tổng cộng
1	Sản lượng	kWh	79.000.000	10.666.000	89.666.000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	112,948	15,480	128,428
	Tiền bán điện		102,739	14,102	116,841
	Tiền thuế TN cộng vào giá bán		7,365	994	8,359
	Tiền phí dịch vụ MTR cộng vào giá bán		2,844	384	3,228
3	Doanh thu hoạt động tài chính				8,000
4	Doanh thu khác				-
4	Chi phí		26,436	5,461	71,462
	Chi phí tiền lương				6,000
	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên		3,388	1,548	4,936
	Chi phí thuế TN		7,365	0,994	8,359
	Phí dịch vụ MTR		2,844	0,384	3,228
	Chi phí quản lý		5,647	1,548	7,195
	Chi phí sửa chữa lớn		7,192	0,987	8,179
	Chi phí khấu hao TSCĐ				31,564
	Chi phí lãi vay				2,000
5	Chi phí khác				3,000
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng			61,966
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng			58,867

8	Trả cổ tức	%/VDL			20
---	------------	-------	--	--	----

Nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư, hiệu quả SXKD của Công ty; Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 xem xét thông qua các chỉ tiêu kinh tế nêu trên đồng thời thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động điều chỉnh kế hoạch năm 2024 (nếu thấy cần thiết) cho phù hợp tình hình hoạt động thực tế, chính sách của Nhà nước, mức độ ổn định vĩ mô nền kinh tế của Việt Nam trong năm 2024.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm khác trong năm 2024:

- Tiếp tục tập trung phát điện vào giờ cao điểm.
- Tiếp tục rà soát toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị Nhà máy, trạm, hệ thống điều khiển, đường dây để sửa chữa, thay thế, nâng cấp đáp ứng được yêu cầu phát điện với hiệu quả cao nhất.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Tổng giám đốc Công ty trong năm 2023, Kế hoạch SXKD năm 2024 dự kiến và một số vấn đề khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty CP thủy điện Quế Phong xem xét thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, TV BKS;
- Website Công ty;
- Lưu VP, Tài liệu Đại hội.

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thái Hưng